TÒA ÁN NHÂN DÂN **T PHỐ TH** **TỈNH TH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **479**/2020/QĐST-HNGĐ	*TH, ngày 21 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 490/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Hiền L, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ X, phường H, T phố TH, tỉnh TH.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Trí T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ X, phường H, T phố TH, tỉnh TH.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đoàn Quốc T1, sinh năm 1955

Địa chỉ: Khối H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh N

Người được ông T1 ủy quyền: Chị Đoàn Thị Cẩm V, sinh năm 1987- Địa chỉ: Phố C, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh TH *(Văn bản ủy quyền ngày 08/6/2020)*

2. Chị Đoàn Thị Cẩm V, sinh năm 1987

Địa chỉ: Phố C, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh TH

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 60, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng các Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải T ngày 13 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đoàn Thị Hiền L và anh Nguyễn Trí T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Hiền L và anh Nguyễn Trí T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Đoàn Thị Hiền L trực tiếp trông nom,chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Đoàn Thảo V, sinh ngày 10/02/2015 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Trí T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 9/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

2.3. Về tài sản chung: Chị L và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về công nợ chung:

+ Chị Đoàn Thị Hiền L có trách nhiệm trả cho ông Đoàn Quốc T1 số tiền 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)* và trả cho chị Đoàn Thị Cẩm V số tiền 34.000.000đ *(Ba mươi bốn triệu đồng)*.

+ Anh Nguyễn Trí T có trách nhiệm trả cho ông Đoàn Quốc T1 số tiền 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)* và trả cho chị Đoàn Thị Cẩm V số tiền 34.000.000đ *(Ba mươi bốn triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.5. Về án phí:

+ Chị Đoàn Thị Hiền L tự nguyện nộp 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn và 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003211 ngày 06/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự T phố TH.

+ Về án phí dân sự: - Chị Đoàn Thị Hiền L phải chịu 1.600.000đ *(Một triệu sáu trăm nghìn đồng)* nộp Ngân sách Nhà nước.

- Anh Nguyễn Trí T phải chịu 1.600.000đ *(Một triệu sáu trăm nghìn đồng)* nộp Ngân sách Nhà nước.

- Hoàn trả cho chị Đoàn Thị Cẩm V số tiền tạm ứng án phí là 1.700.000đ *(Một triệu bẩy trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tiền số 0003318 ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự T phố TH.

- Hoàn trả cho ông Đoàn Quốc T1 số tiền tạm ứng án phí là 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tiền số 0003320 ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự T phố TH.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND T phố TH;
- THA dân sự T phố TH;
- Các đương sự;
- UBND phường H;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trương Thị Thanh Trúc